TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 67/2026/QĐST-HNGĐ	*Phú Thọ, ngày 10 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 65/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026, về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"*, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Duyên**, sinh năm 2000; Địa chỉ: Khu X, xã Đ, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1999; Địa chỉ: Khu X, xã Đ, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Xuân H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Bảo A, sinh ngày 14/01/2021; anh Nguyễn Xuân H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Xuân B, sinh ngày 03/6/2019; kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Hai bên cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- *Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị D xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000013614163 ngày 12/3/2026 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 11 ngày 13/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị Nguyễn Thị D 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6- Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS;
- Lưu VP./.

THẨM PHÁN

Trần Việt Dũng